

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1120A (Tr.513 _ Tr.520)

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ TRUNG LƯỢC XUẤT ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA NIÊM TỤNG NGHI

Phạn Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiết Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực áp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

Cúi đầu lẽ Đại Mật

Từ Trì Kim Cương sinh

Mở diễn Nghi vi diệu

Khế chân thật giản yếu

Người tu tập Du Già

Nguyện hưng tâm lợi lạc

Hết mười phương không sót

Tất cả Giới Chúng Sinh

Thành tựu Tính Chân Ngôn

Tùy theo ý xứng tụng

ॐ सर्वा योगा चित्तमुपाद यमि

An (1) tát phộc du nga chất đa (2) mẫu đáp-bá na dạ nhĩ

OM SARVA YOGA-CITTAM UTPĀDA YAMI

Do vừa phát tâm này

Diệt trừ tất cả chướng

Được an vui, thích ý

Vượt hơn chúng Ma La (Màra:Ma chướng)

Liền đồng các Như Lai

Thế (đời) Thiên (Trời) đều cúng dường

Biết Pháp không Tự Tính

Đạt Thắng Nghĩa Bồ Đề

Nghĩ trong Thể của mình

Tâm Phổ Hiền như trăng

Thân Tướng về Không Tịch (Lặng lẽ trống rỗng)

Phun hiện Bạt Chiết La

Ngũ Cổ trăng bóng loáng

Thành dung mạo Tát ĐỎa (Vajrasatva)
Đài sen, chất trắng tinh
Dùng năm Phật nghiêm māo
Ao đỏ, hào quang đỏ
An trú trong Viên Minh (Vòng ánh sáng tròn tria)

Chân Ngôn với Tự Ān
Theo thứ tự kiến lập
Nhân Giả ngồi Bán Già
Chi trái đè chân phải
Trí Quyền (quyền phải) ném Luân (bánh xe) xong
Đem đè ở lồng ngực
Hồng (HŪM) là **Tâm Chân Ngôn**
Định Quyền (quyền trái) chậm che háng
Thân Ngũ Ý Kim Cương
Đừng nghiêng lệnh Chi Phân
Thành **Bản Tôn Đại Ān**

Tiếp kế **Kim Cương Chuởng**
Dựng hợp giao đầu ngón
Mật Ngôn, xung như vây
ဋጀ ဏጀ
Phộc nhật Lan, nhược lý
VAJRĀṂ JALI

Liền làm **Kim Cương Phộc**
Minh ấy bày như sau
ဋጀ ဏጀ ဏጀ
Phộc nhật-la, mãn đà
VAJRA BANDHA

Mở **Phộc**, vỗ đậm tim
Nên tụng Mật Ngôn là:
ဏጀ ဏጀ ဏጀ
Phộc nhật-la, mãn đà (1) đát-la tra (2)
VAJRA BANDHA TRAT

Tiếp **Kim Cương Phộc** trước
Thiền Trí (2 ngón cái) cách Đàm Tuệ (2 ngón út)

Xưng Biến Nhập Chân Ngôn

Giáng lâm mỗi gia hộ

ဋ္ဌ ဏ္ဍ ဏဲ

Phật nhât-la phê xà (1) ác (2)

VAJRA VE'SA (? AVI'SA) AH

Chẳng sửa Khế lúc trước

Thiền Trí (2 ngón cái) gia Tiên Lực (2 ngón trỏ)

Đây là **Tam Muội Quyền**

Chân Ngôn, tụng như vầy

ဋ္ဌ ဏု ဏ

Phật nhât-la, mẫu sắt-tri (1) Hàm (2)

VAJRA MUŚTI VAM

Chia Quyền ấy làm hai

Trái chậm, phải an tim

Thân Ngũ Ý Kim Cương

Hình thể y Sơ Quán (Quán lúc ban đầu)

Cùng **Phật** trước làm chuẩn

Trí (ngón cái trái) và Tiên (ngón trỏ phải) như cửa

Thiền (ngón cái phải) lấn ở trong ấy

Ấn tim, trán, họng, đỉnh

Đều tụng Chân Ngôn này:

ဏ ဏ ဏ

Tổ la đà, tát-dát-phạm

SURATA STVAM

Lại bày Kim Cương Phật

Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) thành dạng đao

Tiền Lực (2 ngón trỏ) vịn cạnh mũi (mũi nhọn của đao)

Y theo vạch thứ nhất

Thiền (ngón cái phải) đè ở đầu Trí (ngón cái trái)

Như thế Kết Già Phu

Ấn đỉnh, tim nêng tưởng

Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana)

Nghiêm nhiên, sáng trăng tinh

Tụng Chân Ngôn này là:

ဏ ဏ ဏ

An, bộ khiếm

OM BHÙH KHAM

Tiếp nên ấn vầng trán
Nên tướng A Súc bệ (Akṣobhya)

Màu xanh ở phía trước
Xưng câu Bí Minh này:

ঢ়ু খু

Phật nhât-la tát đát-phật
VAJRASATVA

Tiếp án bên phải đỉnh
Tên ấy: **Bảo Sinh Tôn** (Ratnasamṛbhava)

Màu vàng, tướng đoan nghiêm
Chân Ngôn , tụng như vậy

ঢ়ু লু

Phật nhât-la, la đát-na
VAJRA-RATNA

Nâng để phía sau đỉnh
Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyuḥ)

Màu đỏ, nghi thù đặc
Xưng Chân Ngôn này là:

ঢ়ু ধু

Phật nhât-la, đạt ma
VAJRA-DHARMA

Lại đến bên trái đỉnh
Bất Không Thành Tựu Tôn (Amoghasiddhi)

Màu lục, vòng năm Phật
Tụng câu Bí Minh này:

ঢ়ু কু

Phật nhât-la, yết ma
VAJRA-KARMA

Tiếp tác **Bảo Man Án**
Quán Đỉnh dùng nghiêm thận

Dùng hai tay Kim Cương
Liền cột buộc trước trán

Lại chia quyền sau ót

Như trước cột vòng hoa

Từ Đàm Tuệ (2 ngón út) mở dần

Đem Vũ (bàn tay) hạ hai bên

Tưởng như rũ đai lụa

Tiếp lại tụng Chân Ngôn:

ঁ দ্বাৰা অভিষিঞ্চ শ্ব দ্ব

Ấn (1) **phộc nhật-la**, **ma la ty** săn giả (2) **mān** (3) **hàm**

OM VAJRA MÀLA ABHISIMCA MÀM VAM

Định Tuệ vũ (2 bàn tay) đều duỗi

Cùng **Phách Khế** thành tựu

Hay thích tất cả Thánh

Chân Ngôn, xứng như vậy:

দ্বাৰা তৃষ্ণ কু

Phộc nhật-la (1) **đổ sử-dã** (2) **học** (3)

VAJRA TUŞYA HOH

Kim Cương Mạn Ấn Minh

Lắng tâm, tụng một biến:

শ্ব কু দ্বাৰা শুরু

Tát phạm củ lồ (1) **dã tha**, **tố khiếm**

SARVAM KURU YATHÀ SUKHAM

Lại đủ **Minh** như trên

Mão Kim Cương Tát Đỏa

Dùng sắc thân năm Phật

An trụ, tương ứng Ấn

Biến Chiếu Bạc Già Phạm (Vairocana)

Khế trụ Như Lai Quyền

Tiếp bày **A Súc Bệ** (Akṣobhya)

Định Vũ (bàn tay trái) cầm góc áo

Thành quyền án trên tim

Tuệ (tay phải) chạm đất như Nghi

Thí Nguyệt, Bảo Sinh Tôn (Ratnasambhava)

Trí Chuồng (lòng bàn tay phải) ngửa ngang vú

Vô Lượng Quang (Amitabha) **Thắng Ấn**

Định Quyền (quyền trái) cầm sen che

Tuệ Quyền (quyền phải) tự bóc hoa

Lại như **Vô Động Phật** (Akṣobhya)

Trí Vũ (bàn tay phải) tướng ba phan (Tam Phan:3 cây phan)

Như bạt tể Hữu Tình

Giương chưởng ở bên vú

Bất Không Thành Tựu (Amoghasiddhi) **Ấn**

Lại tác **Kim Cương Phật**

Mở chưởng, hợp Thiền Trí (2 ngón cái)

Đàn Tuệ (2 ngón út) thẳng như núi (Phong:đỉnh núi)

Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) vào trong chưởng (lòng bàn tay)

Hợp nhau như mũi tên

Ấn tim, trán với họng

Ở đỉnh đầu cung vây

Đều dùng **Tâm Mật Ngữ**

ॐ

Hồng

HÙM

Đại Lạc Tùy Tâm Ấn

Dùng kết Hô thân mình

Ấn trước, Tiến (ngón trỏ phải) đâm tim

Tụng Câu Chân Ngôn sau:

ନ ମନୁଶ୍ୟ ଦକ୍ଷମର୍ଯ୍ୟା ଅନ୍ତିମ ମନୁଶ୍ୟଦକ୍ଷମଧ୍ୟ ସମୟମର୍ଯ୍ୟପଣ୍ଡିତ
ଶ୍ରୀମତ୍ ଶ୍ରୀମତ୍ ମନ୍ଦିର ଶ୍ରୀମତ୍ ସନ୍ଦର୍ଭ ଶ୍ରୀମତ୍ ମନ୍ଦିର
ଶ୍ରୀମତ୍ ମନ୍ଦିର ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ
ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ ନଗାନ୍ତ

Hệ (1) ma ha tố khu , phộc nhật-la tát đát-phộc dạ hứ (2) thí-ngật-lâm (3) ma ha tố khu phộc nhật-la mục khu , tam muội gia (4) ma nő bá la dā (5) bát-la mẫu-đình , mẫu đình (6) tố la đa, tát-đát-phạm (7) ma noa la cật-dổ , mính bà phộc (8) tố đổ sắt-dữu , mính bà phộc (9) tố địa-lý trụ, mính bà phộc (10) tố báo sắt-dữu, mính bà phộc (11) bà già phạm (12) năng năng nĕ ninh đà nặc tát đát-phộc (13) tát phộc tát địa, mính (14) bát-la dā xa, ế sa đát-phộc (15) năng cật-lý sử-dā , bát-la phệ xa (16) tam muội duệ la-phộc đà-phộc (17) phộc thí ca lõi nhī (18) muội mẫu na-la (19) mān đát-la (20) bả nãi (21) nhược hồng (22) hàm (23) hộc (24)

HE MAHÀSUKHA VAJRASATVA YAKI (? AYÀHI) 'SÌGHRAM MAHÀ SUKHA VAJRAMOGHA (? VAJRA AMOGHA) SAMAYAM ANUPÀLAYA , PRABUDHYA BUDHYA ,SURATA STVAM ANURAKTO MABHAVA (?)

MEBHAVA) SUTAŞYO (? SUTOŞYO) MUBHAVA (? MEBHAVA) SUDRDHO
MOBHAVA (? MEBHAVA) SUPOŞYO MOBHAVA (? MEBHAVA)
BHAGAVAM NANA DHANAHsarva (?DHÀNASATVA) SARVA SIDHI
ME PRAYACCHA, EŞA TVĀNA KRŞYO PRAVE'SYA , SAMAYE RMVA (?
SAMAYA ARTHA) DHVAM VA'SI KAROMI ME ,ADRÀMATRA PADEH (?
MUDRA MANTRA-PÀDAI) JAH HÙM VAM HOH

Các Tôn sē vui thích

Cảnh giác Tam Muội Gia

Tụng đến **Nhược Tự Minh** (ຈ _JAH)

Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) như móc câu

Mở Câu ngay tim xong

Bản Tôn giáng Đạo Trường

Chúng Thánh cũng đều đến

Y vị trí mà ngồi

Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) liền vịn nhau

Như vòng, thành **Sách Khé**

Chữ **Hàm** (ຂ _ HÙM) dây dẫn vào

Hai Độ (2 ngón tay) quấn chặt nhau

Thành **Tỏa** , ngừng các Thánh

Chữ **Mộng** (ຂ _ VAM) là Minh ấy

Trên dưới, dần dao động

Thành **Bàn** (tảng đá lớn) xưng câu **Hộc** (ຂ _HOH)

Niệm âm thanh vui sướng

Hay thích Tâm chúng Thánh

Liền bày **Át Già Khé**

Trụ chắc **Kim Cương Chưởng**

Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) bèn hợp nhau

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu

Thiền Trí vịn gốc ấy (gốc 2 ngón trỏ)

Bên Án, xưng câu **Án** (ຂ _OM)

᳚ ຂ᳚ ສ᳚ ສ᳚ ດ᳚ ຕମର୍ଦ୍ଦନ ກୟ

Án, ca lõ mục khiếm (1) tát phộc đạt ma , na ma na-ngữ (2) nô-bán năng đát-phộc đa (3)

OM KAKO (? KARO) MUKHAM , SARVA DHARMMA (? DHARMA)
NAMÀDYAN UTPANA TVÀT

Liền dâng nước thơm ấy

Xưng **Át Già Minh** sau

ପରମ ଶୁଦ୍ଧି ମହାତ୍ମା ପାତ୍ର ମନ୍ତ୍ର ମ ଏ ନାମ କି ନୀ
କୁ ଦେଖି କି କି କି କି କି କି କି କି

Bା la ma tୋ khư xା dା (1) sa la lý đା (2) vି la sa nାn୍ଦ୍ର nhି đାi la-nାn୍ଦ୍ର ma nhି
già phạm đam (3) nhược, hòng hàm, hộc (4) hứ hứ hứ hứ (5) bát-la đେ xa (6) cù tୋ
mାn୍ଦ ନାମ ଲ୍ୟ la-nାn୍ଦ୍ର tha (7)

PARAMA SUKHÀ'SAYA SALÀLITA VILÀSANA MI TAIRNA MÀ MI
BHAGAVAM TAM _ JAH HÙM VAM HOH , HI HI HI HI , PRATÌCCHA
KUSUMÀM JALIRNÀTHÀ (? JALIRNÀNA)

Phụng hiến sát vầng trán
Như Nghi tắm chúng Thánh
Y trước quán trăng nay
Trăng tinh hiện trong Đàm
Ở nơi Đại Thánh ngự
Khế trụ **Kim Cương Mạn**

Lại bày bốn Tôn Vị (vị trí của bốn Tôn)
Mắt , tên (mũi tên) tại phía trước
Màu đỏ, quần áo đỏ
Mão, vòng hoa nghiêm sức
Hai vũ (2 tay) dương cung tên
Nghi chiêm ngưỡng Thánh Giả
Kế Lý Kế La Tôn (Kìlikila)
Màu trăng, ở bên phải
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền
Giao ôm Tam Muội Gia
Phía sau, tên là **Ái**
Hình, quần áo màu xanh
Hai Quyền, dựng Tuệ Tý (cánh tay phải)
Chỗ nâng đỡ Định Vũ (tay trái)
Cùng cầm phuơng Ma Kiệt
Bên trái, tên là **Mạn**
Màu vàng, quyền tại háng
Hướng trái, hơi cúi đầu
Yết Ma Ẩn Chân Ngôn
Gia trì an vị trí
Đại Thánh Kim Cương Mạn
Nên tụng Tâm Mật Ngôn:
କୁ

Hồng HÙM

Tiếp lại bày các Tôn
Bắt đầu từ Mắt, Tên (mũi tên)
Hai Quyền đều bền chắc
Nghi giương cung bắn tên
Tướng Mật Khế đã thành
Bí Minh, tụng như sau:

ጃ Հ Տ Ջ Ա Յ Ք Մ Հ

Nhược (1) phộc nhật-la địa-lý sắt-tri (2) sa dã kế (3) ma tra (4)
JAḤ VAJRADRŚTI SAYAKE MAT

Hai Vũ (2 tay) dựa Quyền trước
Giao cánh tay ôm ngực

Kế Lý Kế La Tôn

Nên tụng câu sau này:

Ջ Հ Տ Ջ Ֆ Լ Ի Ւ Ր Ջ

Hồng (1) phộc nhật-la kế lợi cát lệ (2) hồng (3)
HÙM VAJRA KELÌKILE HÙM

Tiếp lại sửa Ăn trước
Dựng Tuệ Tý (cánh tay phải) như phuơng
Định Quyền (quyền trái) nâng cùi chỏ
Tụng Minh, tên Ái Khế
Ճ Ա Ջ Ր Ա Ր Ճ

Hàm (1) phộc nhật-lý nẽ (2) sa-ma la (3) la tra (4)
VAM VAJRINI SMĀRA RAT

Hai Quyền đều ở háng
Hướng đầu nghiêng bên trái
Tướng Mạn Khế vừa thành
Chân Ngôn, tụng như sau:

Ջ Հ Տ Ջ Ա Մ Վ Ր Ճ

Hộc (1) phộc nhật-la ca minh thấp-phộc lý (2) đát-lam (3)
HOḤ VAJRA KÀME’SVARI TRÀM

Tiếp bày **Nội Cúng Đường**
Khởi đầu, góc Đông Nam
Hình áo trắng dâng hoa
Kim Cương Diệu Thích Duyệt
Kim Cương Thích Duyệt Tính
Màu đen, cầm lò hương
Kim Cương Nhãnh hiến đèn
Dùng màu đỏ nghiêm sức
Mật (hạt nhỏ vụn) làm **Đồ Hương Vị** (vị trí của **Đồ Hương**)
Kim Cương Đại Cát Tường
Hình chất đều màu vàng

Tiếp bày tướng Khế ấy
Trước đều múa hai Quyền
Như Nghi vừa kết thành
Đem hai Kim Cương Quyền
Kèm bung ném lên trên
Tướng Diệu Hoa cúng đường
Chân Ngôn xứng như sau:
ମହା ରତ୍ନ ଲକ୍ଷ୍ମୀ
Hệ (1) phộc nhật-la (2) la đế (3)
HE VAJRA RATIH

Kèm Quyền ném xuống dưới
Nhớ biển mây hương đốt
Phổ biến khắp tất cả
Tụng Chân Ngôn như sau:
ମହା ରତ୍ନ ଲକ୍ଷ୍ମୀ ଦେଖ
Ma ha la đa phộc nhật-lý (1) hộc (2)
MAHĀRATA VAJRI HOH

Hai Quyền hợp Thiền Trí (2 ngón cái)
Như đèn, nên vận tướng
Rộng thí làm Phật Sự
Mật Ngôn, xứng như vậy:
ଓ ରତ୍ନ ଲକ୍ଷ୍ମୀ
An (1) phộc nhật-la (2) lộ giả ninh (3)
OM VAJRA LOCANE

Kèm che hai Quyền ấy
Y ngực bung hai hướng
Như thế **Diệu Đồ Hương** (xoa bôi hương thơm)
Nên tụng Chân Ngôn này:
ਮਹਾ ਸ਼ਰਾ ਹਿ
Ma ha thất-lợi (1) phộc nhật-lý (2) hú (3)
MAHÀ 'SRÀ (?) 'SRÌ VAJRA HIH

Các Tôn **Ngọai Cúng Dường**
Bốn góc, lại nghĩ tưởng
Đông Nam tên **Hỷ Hý**
Để hai Quyền ngang tim
Tiếu ở góc Tây Nam
Bung hai vū (2 tay) bên miệng
Ca ở góc Tây Bắc
Cầm Không Hâu (một loại đàm) búng tay
Đông Bắc, **Vū** là tên
Như Nghi: thế xoay chuyền
Hình , áo màu vàng ròng

Lại bày Chân Ngôn Khế
Che kèm ở hai Quyền
Ràng buộc tim, chuyền phải
Đây là **Hỷ Hý Ăn**
Minh ấy, xung như sau:
ਹੇ ਰਾਤੀ ਵਾਯ੍ਰਾ ਵਿਲਾਸਿਨੀ ਟਰਾਤ
He RATI VAJRA VILASINI (?) VILÀSINI TRAT

Như Ăn trước, bên miệng
Dần bung từ Đàm Tuệ (2 ngón út)
Dương chưởng, duỗi cánh tay
Mỉm cười tụng Chân Ngôn:
ਹੇ ਰਾਤੀ ਵਾਯ੍ਰਾ ਹਾਸੇ ਹਾ ਹਾ
He RATI VAJRA HASE (?) HÀSE HA HA

Định Tý (cánh tay phải) như Không Hầu

Sửa Tiến Lực (2 ngón trỏ) hơi co

Tuệ Vũ (bàn tay trái) thế búng dây

Ca hát, tụng Minh ấy

ହେ ରାତି ବାଜ୍ରା ଗିତେ ତେ ତେ

Hệ la đế phộc nhật-la (1) nghĩ đế (2) đế đế (3)

HE RATI VAJRA GÌTE TE TE

Hai Quyền múa ở tim

Hợp trên đỉnh, liền bung

Tên gọi Vũ Khế Tướng

Liền bày câu Chân Ngôn

ହେ ରାତି ବାଜ୍ରା ତ୍ରତ୍ୟେ ଅପା ଅପା

Hệ la đế phộc nhật-la nễ-lý đế (2) phê ba, phê ba (3)

HE RATI VAJRA TRTYE (? NRTYE) VEPA VEPA

Bốn Thừa Chỉ ở cửa

Sẽ bày hình, nghi phục (Quần áo, vật trang sức)

Sơ (cửa Đông) Trì Câu màu xanh

Nghiêm lê nơi cư trú

Nam Huề Sách (sợi dây dẫn dắt) đều vàng

Tây: Chấp Tỏa màu đỏ

Bắc ấy, tên là Khánh

Mão tóc màu xanh lục

Khế ấy với Chân Ngôn

Nay tiếp lại trình bày

Hai Quyền nên ép long

Ngược Dàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau

Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều ráng duỗi

Lại hơi co Tiến Độ (ngón trỏ phải)

Hơi vời, là Câu Khế

Minh ấy, xưng như sau:

ବାଜ୍ରା ମନ୍ତ୍ରା

Phộc nhật-lãng củ thế (1) nhược (2)

VAJRAMKU'SE JA (? VAJRA AMKU'SE JAH)

Ấn trước, giao Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Ngược, đem đầu chạm nhau

Trong ấy như vòng dây

Xưng tụng Chân Ngôn sau:

ဋ္ဌ မျှေး ၏

Phật nhật la bá thế (1) hồng (2)

VAJRAPA'SAM (? VAJRAPÀ'SE) HÙM

Sửa Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc nhau

Mở Quyền, giao long vồi

Liền thành tên Tỏa Khế

Mật Ngôn, xứng như vậy:

ဋ္ဌ ခုန္တ၏ ၏

Phật nhật-la hướng ca lệ (1) hàm (2)

VAJRA 'SAMKALE VAM

Như Tỏa, lưng dính nhau

Dao động, Khánh Minh là:

ဋ္ဌ ခုဇ္ဈ ၏

Phật nhật la kiện tai (1) hộ c (2)

VAJRA GHAMTE HOH

Nơi nghiêm sức Đại Thánh

Tòa hoa với quần áo

Ngoài ra thấy Tôn trước

Màu sắc tùy thân tướng

Hình thù đủ mọi Đức

Đầu đội mao năm Phật

Cùng dựng Mạn Trà La

Các vị, trước giữ tướng

Hiện vành trăng tròn sáng

Quán niệm ở trong đó

Bán Già, mặt Bản Tôn

Mắt ưa thích chiêm ngưỡng

Lại tuyên Tam Muội Ẩn

Trình bày trước Bản Tôn

Khế ấy với Chân Ngôn

Như Nghi, đừng sai lầm

Tiếp nên bày Tôn khác

Cũng **mắt**, **tên** (mũi tên) làm đầu

Dựa nơi Hộ Thân trước

Đại Lạc Tùy Tâm Án

Ráng co Tiến Lực ấy (2 ngón trỏ)

Phần đầu dính lưng nhau

Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau đè

Sẽ thành tựu Tướng Khế

Đem Thiền (ngón cái phải) đè ở Trí (ngón cái trái)

Giao sâu, liền thành Án

Tên Kế Lý Kế La

Tiếp bày tướng Ma Kiệt

Tiến (ngón trỏ phải) móc nơi Nguyệt Độ (ngón giữa trái)

Lực (ngón trỏ trái) đào đầu Trí ấy (ngón cái trái)

Duỗi Giới Phương (2 ngón vô danh) thành kim

Hợp Đàm Tuệ (2 ngón út) dựng thẳng

Thiền Trí (2 ngón cái) tự kèm nhau

Đều đè bên Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Tướng Ái Khế đã thành

Chẳng sửa Án lúc trước

Từ ngoài chạm **Cổ** ấy

Trái phải trước cũng vậy

Lại bày Nội Cúng Đường

Xoay nghiêng Kim Cương Chuồng

Ném trên là **Hoa Án**

Bung dưới thành **Thiêu Hương**

Thiền Trí (2 ngón cái) ép làm **Đèn**

Đồ Hương y ngực khải

Hỷ Hý xoay chuyển lẽ

Tiểu Khế sát bên miệng

Từ Đàm Tuệ (2 ngón út) mở dần

Lại kết **Ca Án** ấy

Sửa Lực Độ (ngón trỏ trái) hơi co

Tiến (ngón trỏ phải) bật nhẹ ở giữa

Định Vũ (tay trái) **Khu Tra Ca**

Tuệ (tay phải) tác tướng ba phan

Ngay tim liền xoay chuyển
Tám Cúng Đường đã xong

Thiền Độ (ngón cái phải) giữa Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ trái)
Ấn thành lại làm **Tỏa**
Vòng Tiến (ngón trỏ phải) Thiền (ngón cái Phải) Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trỏ trái)

Vịn xong cùng móc nhau

Lại tác **Kiên Cố Phộc**

Thiền Trí (2 ngón cái) dưới Giới Phương (2 ngón vô danh)

Liền dao động ngay ngực

Làm **Khánh thành Bốn Nhiếp**

Kim Cương Tát ĐỎa vị (vị trí của Kim Cương Tát ĐỎa)

Với nơi Hành Giả ngũ

Đều có mười sáu Tôn

Vây quanh đoan nghiêm trụ

Tán Vương thuật như sau

Cần phải nén xưng tụng

සර්වානුරාග සුත්‍ර මධ්‍යමස රු දක්ෂීය පර්මහ සුරාග: නැත ඔ
මධ්‍යමස දින ක්‍රිඩ් සැපසු මූල්‍ය දෙන ප්‍රසාද:

Tát phộc nõ la già tố khu tát đát-mãng năng sa (1) đát-phạm phộc nhật-la tát
đát-phộc bạt la mạc tố la da (2) bà phộc minh , ma ha tố khu địa-lý trụ xế dã nặc
(3) bát-la đẽ bạt nẽ-dã , tất đình giả la ngu bát la năng đà (4)

SARVANURÀGA (? SARVA ANURÀGA) SUKHA SATMANA SATVAM
VAJRASATVA PARAMAH SURATAH BHAVA ME , MAHASUKHA DRDHO
CCHAYA DAH PRATIPADYA SIDDHYA CALA GHU PRANATAH

Do Kim Cương Ca này

Đại Lạc tùy yêu thích

Thỏa lòng đều bền chắc

Sẽ được thành như ý

Lại tụng , tiếp trình bày

Tán tối thắng chân thật

Hay vừa mới xưng niệm

Mau khiến tròn Tất Địa

මධ්‍යමස මධ්‍යම මධ්‍යමස මධ්‍යම මධ්‍යම මධ්‍යම මධ්‍යම
සු මූල්‍ය ඔ

Ma ha tố khư (1) ma ha la già (2) ma ha phộc nhật-la (3) ma ha đà na (4) ma ha nhuơng na (5) ma ha yết ma (6) phộc nhật-la tát đát-phộc định , tất đà, minh (7)

MAHÀSUKHA MAHÀRÀGA MAHAVAJRA (?) MAHÀ-VAJRA)
MAHADHANA (?) MAHA-DHÀNA MAHAJÑÀNA (?) MAHÀ-JÑÀNA) MAPHA-KARMMA (?) MAHÀ-KARMA) VAJRA-SATVADYA SIDDHYA MI

Tiếp bày tướng Nhãm Án

Từ Đại Thánh làm trước

Các thứ khác, quán nhìn

Tên Khế cũng phân biệt

Hành Nhân lại nên dùng

Kim Cương Nhãm là Tôn

Đại Thích Duyệt Kim Cương

Bất Không Cảnh Ngộ Án

Nên quán mé Tát Đỏa

Kèm hưng tâm Đại Nhiễm

Do Án này gia trì

Sẽ mau chóng thành tựu

Tuệ (tay phải) làm tướng ba phan

Định Vũ (tay trái) Khu Trá Ca

Như trước ngay tim mình

Múa xong, thế ném hoa

Mở nửa mắt, mặt cười

Chiêm ngưỡng nơi Bản Tôn

Đại Thích Ý Kim Cương

Bất Không Tiễn Án Tướng

Pháp Giới Thể Tính Trí

Do đây hay trụ giữ

Mắt Đại Thích Duyệt quán

Bản Tôn, mặt Thánh Giả

Đại Thích Duyệt nhìn Án

Người ít Phước cũng thành

Mau Nguyên, dung mạo dũng
Gia trì Đại Thành Tựu
Lại nên khiến hiện chứng
Vượt thăng dòng Ngoại Đạo

Đại Tích Duyệt Kim Cương
Tràng Phan Trang Nghiêm Án
Dương tròng mắt nhìn liếc
Định (tay trái) làm **Khu Tra Ca**
Tuệ (tay phải) kên kết ba phan
Như trước, tay xoay múa
Cũng làm thế ném hoa
Lễ Tên ấy, Án thành
Các người Trời ba cõi
Cung kính sê cúng dường

Tiếp năm cách nhìn trước
Bổn Tôn, Hồng Tự Minh
Nay Nguyên, Mạn Án và
Còn lại, Yết Ma Khế
Đều tụng câu Chân Ngôn
Như trước không có khác

Nơi thành thân Đại Thánh
Pháp Giới Thể Tính Trí
Như trước tham nhiễm nhìn
Viên Tịch khiến nhìn ngó

Lại hơi mở con mắt
Mí mắt nên động nhìn
Tên ấy, viết **Minh** nhìn
Dùng đây thỉnh Bản Tôn
Nhập vào khắp thể mình
Thân tâm ái nhiễm tưởng
Phụng sự nơi Thánh Giả
Án Lực Khế, Chân Ngôn
Biết tự tính đều đạt
Tát Đỏa nhân đây trụ

Nay tu phương tiện này
Nên ta sẽ thành tựu

Y Giáo vòng Cúng Dường
Tiếp dụng **Tịch Trữ Án**
Kim Cương Xí Thịnh Nhật
Tam Muội Gia là tên
Hai Vũ (2 bàn tay) cài chéo trong (Nội tương xoa)
Tám Độ (8 ngón tay) trợ dính chưởng (lòng bàn tay)
Duối Thiền Trí (2 ngón cái) hợp mặt
Như chày, liền Hư Quyền
Chuyển trái hay Tịch Ma
Chuyển phải Kết Giới khắp
Tiếng Hồng (HÙM) như sấm nổ
Tùy ý làm đề phòng

Ngay Thắng Giải suy tư
Tất cả Hư Không Giới
Hương xoa, đèn, ăn uống
Vòng hoa với hương đốt
Quần áo, lọng, phướng, phan
Quạt, phất, Ca, Bảo Đạc (chuông lắc tay báu)
Diệu Vũ (múa hay) và cung điện
Nghi cúng dường thù thắng
Nay ta biến hóa thành
Chúng Thánh đều nhận dùng

Như câu chữ **Án** (OM) trước
Xưng tụng và vận tuồng
Chẳng nháy mắt, tươi cười
Y yêu thích bền chắc
Quán lâu Thể Thánh Giả
Liền thành mắt Kim Cương

Bày Đại Án Bản Tôn
Tát Đảo Tam Ma Địa
Môi răng nén hợp nhau
Kim Cương Ngũ lìa tiếng

Chẳng động mạnh đầu lưỡi
 Hay thành các Giáo Pháp
 Mới Dục (ham muốn) , ngưng dứt trù

Lại tưởng Nghi Cúng Dường
 Kèm xứng **Án Tự Minh**
 Như trước nén phụng hiến
 Tân Trăm lě tám Tên (Nhất Bát Danh Tán)

Tiếp theo nén xứng tụng

ਮਾ ਮਨੁ ਮਨਸਹ ਮਨਾਗ ਮਨਾਤ ਸਿੰਗਦਰੂ
 ਸਿੰਘ ਵਕ੍ਖ ਗੁਪਤ ਪਟ ਬਲਸਹ ਸਿੰਘੁਧ
 ਵਕ੍ਖ ਵਕ੍ਖ ਮਨਵਰ ਸਿੰਗਦਰੂ ਰਾਹੁਧ ਸਾ ਸਾ
 ਅਮਦਰ ਸਾ ਥਾਪ ਮਨਹਦ ਇਵ ਇਵ ਯਨੀ ਮ ਨਾ
 ਵਕ੍ਖ ਝੁਕਾਰ ਝੁਕਾਰ ਪਲ ਅਦ ਮਨਾਗ
 ਮਨਸ਼ਾ ਨਦ ਅਕ ਮਨਵਰ ਰਾਹੁਕੁਨਦ ਕੁਣ੍ਹ ਰਾਹੁਕੁਧ
 ਏਹ ਏਹ ਛੁਹਰ ਅਨਦ ਰੁਚਿ ਸੁਭ ਛੁਹ ਸਿੰਧ ਨੁਗਮ ਏਹ
 ਥਥ ਨਦ ਸਾਰੇ ਜ਼ਿਵਨ
 ਸਨਦ ਜਵਾਹਰ ਕਾਗ ਏਨ ਸਾ ਮਛਾਗ: ਹੁਮਦੀ ਥਾਗ ਸਿੰਧ
 ਗਈ ਸਹੁ
 ਮਨਪਦ: ਗਥਾਗ ਮਨਸਦ ਵਥਾ ਨਥਾ ਮਨਹਵ ਸਵਥਾ ਸਨਥਾ ਪ
 ਅਲ ਰਾਖਿਸਾ ਸ਼ਵਾਵਨ
 ਵਕ੍ਖਕਾਵ ਮਨਕਾਵ ਕਾਵ ਕਾਵ ਦਮਕ: ਮਨਤਾਵਾਹੁ਷ੁਧ ਰੁਦ
 ਰੋਕ ਕਥ ਨਾਵ
 ਸਾਦੁਝ ਮਨਪਥ ਏਕੁ ਪਥ ਮਨਨਾਵ ਰਾਗ ਕਿਉ ਸਿੰਘੁਧ ਏਕੁ
 ਰਾਗ ਮਨਹਦ
 ਸਨਖੀਨ ਹੁਕੁ ਹੁਕੁ ਸਾ ਦ ਏਵ ਮਨਨਾਵ ਏਕੁਨੀ ਹੀ ਏਕੁਨੀ ਸ
 ਦੀਪਾਰੇ ਲਾਕੇ
 ਨਮਾਖੁ ਨਮਾਖੁ ਨਮਾਖੁ ਨਮਾਖੁ ਨਮ: ਨਮ: ਏਕੁ ਨੁ ਕੁ ਸਪਕਿਮ ਵਕ੍ਖ
 ਸਾਹੁ ਅਵ ਅਵ

Bạt la ma đình (1) ma ha tá tát đát-phộc (2) ma ha la đà (3) ma ha la đế (4) sa mãn đà bà na-la (5) tá tát phộc đát-ma (6) phộc nhặt-la bách ma (7) bạt đế, bạt đế (8) chất đà tát đát-phộc (9) sa ma đình ngật-la (10) phộc nhặt-la, phộc nhặt-la (11) ma hạ đà na (12) sa mãn đà bà na-la (13) chiết lý-dã ngật-la (14) ma la, ma la (15) bát-la mạt na ca (16) tát phộc bô đế (17) ma ha bột đà (18) bột đà, bột đà ngật-la (19) nhã ma nhã (20) phộc nhặt-la, hồng ca la (21) hồng ca la (22) lộ kế thấp-phộc la (23) ma ni bát-la na (24) ma ha la già (25) ma ha tảo khư-dã (26) ca ma mục khư-xoa (27) ma ha đà na (28) đát-lý ca la (29) tát-đát-lý bà phộc (30) tát-đát-lý-dã ngật-la-dã (31) đát-lý lộ ca ngật la (32) đát-lý đà đở ca (33) tát-tha phộc la (34) bát-la bà phộc vi-dã cật-đa (35) tô tố cát-xoa-ma (36) tát-thố la tán giả diệm (37)

nhượng già ma bát-la phộc la (38) bát-la bả-đế bà phộc (39) sa già la, thú đà na (40) a na địa nẽ đà na điển đa kiến đa (41) bát-la-ca tát phộc ma thất-thể đa (42) hiệt-lý đa-mẫu na la (43) du già tam muội dược (44) đa đát-phộc tát đa-dã (45) ma ha ma hác (46) đà tha già đa (47) ma ha tất đà (48) đạt ma yết ma (49) ma ha bột đà (50) sa đạt ma sa đa-yết ma bạt tha (51) bồ đề chất đa (52) tố mộ đà ca (53) phộc nhật-la cù-lỗ đà (54) ma ha cù-lỗ đà (55) nhập-phộc la bát-la dã , na ma cước (56) ma ha vi na dã (57) nỗ sắt-tra ngật-la (58) lỗ na-la , lao na-la (59) cát-xoa dựng, ca la (60) tát phộc thú địa (67) ma ha bạt na-ma (62) bát-la ngật-nhũ bá dã (63) ma ha na dã (64) la già thú địa (65) sa ma đình ngật-la (66) vĩ thấp-phộc la già (67) ma hề thấp-phộc la (68) a ca xá , nan đà-dã (69) nẽ đổ phệ)70) tát phộc bột đà (71) ma ha la dã (72) vĩ bộ để thất-lợi (73) vĩ mộ la nhạ (74) tát phộc xá (75) bạt lý bối la cước (76) Năng ma tất-đế tất-đổ (77) năng ma tất-đế tất-đổ (78) năng ma tất-đế tất-đổ (79) năng mưu năng mạc (80) bộ ngật-đổ hận đát-phạm (81) bát-la bạt đình minh (82) phộc nhật-la tát đát-phộc đình (83) tất đà mãn (84)

PARAMĀDYA MAHĀSATVA MAHĀRATA MAHĀRATI
SAMAMTABHADRA (? SAMANTABHADRA)_ SARVATMA (? SARVA ATMA)
VAJRA GARDHVA PATE PATE , CITTASATVA SAMĀDHYAGRA VAJRA
VAJRA MAHĀDHANA SAMAMTABHADRA (? SAMANTABHADRA)
CARYĀGRA , MĀRA MĀRA PRAMARDAKA _ SARVA BODHE
MAHĀBUDDHA BUDDHA BUDDHAGRA JĀMMA JAH_ VAJRA- HŪMKARA
HŪMKARA LOKE'SVARA MANI PRADA MAHĀRAGA , MAHĀSAUKHYA
KAMA MOKṢA , MAHĀDHANA TRILA (? TRIKĀRA) STRIBHAVA STRI
'SGRYA TRILOKĀGRA TRIDHĀTRAKA (? TRIDHĀTVAKA) SPHĀVARA (?
STHAVARA) PRABHAVA VYAKTA SUSUKṢMA SPHULA (? SPHURA)
SAMCAYAM JĀMGAMA PRAVARA PRAPTE BHAVA SAGARA 'SODHANA
_ ANADINI DHANĀTYAMTA KĀMTA PRĀKA _ SARVA MOSPHITAH
HR̥TMADRÀ YOGA SAMAYAH TATVA SATYA _ MAHĀMAHAH
TATHAGATA (? TATHĀGATA) MAHĀSIDDHA DHARMMA (? DHARMA)
KARMMA (? KARMA) MAHĀBUDHA (? MAHĀBODHA) SADHARMMA (?
SADHARMA) SAKARMMA (? SAKARMA) PATHÀ BODHICITTA
SUBODHAKA _ VAJRAKRADHA (? VAJRAKRODHA) MAHĀKRODHA JVALA
PRALAYA DAMAKAH MAHĀVINAYADDHAṢTĀGRA RUDRA RAUDRA
KṢAYAM KARAH _ SARVA 'SUDDHI MAHĀPADMA PRAJÑÀ PAYA
MAHĀNAYA RÀGA SIDDHI SAMADHYĀGRA VI'SVARAGA MAHE'SVARA
_ ÀKÀ'SĀNAM TYANI TYOVAI , SARVA BUDDHA MAHĀLAYA VIBHÙTI
'SRÌ VIBHORAJA SARVA 'SĀPARI PRAKAH _ NAMASTESTU (?
NAMASTUTE) NAMASTISTU (? NAMASTUTE) NAMASTESTU (?

NAMASTUTE) NAMO NAMAH GUKTO HAM VÀM PRAPADYÀMI
VAJRASATVÀTYA MIDDHA (?) SIDDHA) MÀM

Nếu trì **Tán Vương** này

Kim Cương Pháp Ngũ Tụng

Sẽ thành tựu sở lạc (Mọi điều ưa thích)

Mau chóng không quan hệ

Mỗi ngày nêu kíp thời

Xưng xong, lìa các tội

Thường thoát tất cả khổ

Tịnh Độ sẽ hiện tiền

Mới tụng, tròn mọi Phước

Tăng cát tường sáng rực

Lại bày Khế **At Già**

Nghiêng Án ở đầu khí (vật khí)

Tay cũng nêu tùy nghiêng

Tưởng lẽ, xưng chữ **An** (OM)

Dâng hiến như Nghi Tắc

Tụng Bản Chân Ngôn ấy

Phát Nguyên xong, liền kết

Kim Cương Xí Thịnh Nhật

Lại tác **Kiên Cố Phộc**

Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa) dựng thành kim

Ngang tim, tụng Minh là:

ॐ कृत्वा सद्धसत्त्वार्थं अनुग्रहाकर्त्त्वं एव अष्टध्यं पुण्यगम
रथु ते दक्षस्त्रः

An (1) cật-lý **đổ-phộc** (2) tát phộc tát đát-phộc la-thác (3) tát địa la-na đa (4)
dã tha nô già già xa đà-phạm (5) bột đà vi sa diệm (6) bồ na la già ma na dã đổ (7)
án (8) **phộc nhật-la** (9) tát đát-phộc , mục (10)

ॐ KRTOVÀH , SADDHASATVÀRTHA (?) SARVASATVA ARTHA)
SIDDHIRDATTÀ YATHA ANUGÀGACCHATHAM BUDDHAVIŞAYAM
PUNARÀGAMANAYATU _ OM VAJRASATVA MUH

Xong câu, sát trên trán

Từ Phong (đầu ngón tay) mở từ từ

Tưởng Chúng Thánh về Cung

Hộ Thân tùy sở thích

Muốn cầu, Hành Giả trước
Bốn thời ở Đạo Trường
Tụng đủ một lạc xoa
Tiếp ngày đêm trì niệm
Các Tôn sē che giúp
Càng thêm hành tinh tiến

Lại diễn Môn Niệm Tụng

Tu tập bốn Uy Nghi
Như trước nguyện bạt tế
Không sót giới Hữu Tình
Cũng tụng Sơ Sở Trần (điều trình bày ban đầu)
Mật Ngữ Tâm Bồ Đề

Lại nên xưng chữ A

Dùng Môn Diệu Thích Duyệt

Rõ các Pháp chẳng sinh

Như sơ (lúc ban đầu) trụ **Không Quán**
Viên Minh (vòng sáng tròn tria) chày Ngũ Phong
Với thành tựu thân mình
Đồng chân nghi Tát Đỏa
Quán tuổng thật rõ ràng
Bán Già, phải đè trái
Liền hợp Kim Cương Chưởng

Lại bày Kiên Cố Phộc

Khai Tâm (mở tim) **Biến Nhập Ăn**

Tam Muội Quyền (quyền trái) cũng vậy
Xoay **Kim Cương Mạn Ăn**

Ăn năm Phật (Ngũ Phật Ăn) mão báu
Cột vòng hoa, rũ đai
Gia nhập khiến vỏ tay (phách chưởng)
Tam Muội Khế hộ trì
Lại Ăn này thỉnh Tôn
Giáng vào trong thân mình

Tám Cúng Đường vân tập

Như lúc trước. an lập

Đều y nơi Đại Không
Bày vị trí, quán niệm
Rõ ràng la liệt xong
Bày Kim Cương Mạn Khế
Các Tôn Cúng Dường khác
Đều dùng **Yết Ma Án**

Nay chỉ Tiêu Khế Hiệu
Tướng ấy, trước đã bày
Đều tụng Bản Chân Ngôn
Kèm vận tâm cúng dường
Quán thân sắc trống rỗng
Chân thật nhìn Bản Tôn
Y như Thắng Giải này
Quyết định không nghi ngờ
Nhân Duyên, loài Hữu Tình
Ngộ **Bản** (Gốc) đều thành Không (trống rỗng)
Phàm ngộ việc trang nghiêm
Dòng thù đặc thích ý
Diệt ấy, đều quán Không (trống rỗng)

Tiếp nữa, lại tái lập
Đều thành thanh tịnh xong
Tướng cúng dường Bản Tôn
Kèm xung **Án Tự Minh**
Đồng Phổ Hiền, thọ dụng

Lại bày **Tiên Hành Pháp**
Tùy nơi mà tu tập
Số đủ một lạc xoa
Như trước, ngày đêm tụng

Nếu tinh chuyên một tháng
Hai tháng hoặc nửa tháng
Cảnh Tướng sẽ hiện tiền
Tùy ý cầu thành tựu
Vụi lên Chùng Phật Vị
Bồ Tát với Bản Tôn

Tin xong, tức thân ấy
Mới quyết định, liền chứng
Tuy chương nặng, lười biếng
Đời này mau chóng được
Môn Đại Lạc Vi Diệu
Nhân Giả nên tôn phụng

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ KINH TRUNG LUỢC XUẤT
ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA NIÊM TỤNG NGHI QUÝ (Hết)

05/08/2007